

VỀ MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN TRONG NGÔN NGỮ TRUYỆN THƠ DÂN TỘC THÁI Ở VIỆT NAM

Lê Thị Hiền¹

¹Khoa Khoa học Xã Hội - Trường Đại học Hồng Đức

Tóm tắt:

Nghiên cứu về phương diện ngôn ngữ truyện thơ là một trong những hướng đi quan trọng khi nghiên cứu đặc điểm thi pháp truyện thơ. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu một vài phương diện trong ngôn ngữ truyện thơ Thái ở Việt Nam, cụ thể là đi sâu tìm hiểu về thể thơ, hiện tượng đan xen ngôn ngữ và công thức mở đầu, kết thúc và chuyển đoạn. Theo chúng tôi, chính những phương diện đó đã làm nên giá trị độc đáo của truyện thơ Thái trong bức tranh chung của truyện thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Từ khóa: Ngôn ngữ, truyện thơ, dân tộc Thái.

1. MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, dân tộc Thái là một trong những dân tộc thiểu số có số dân đông (sau dân tộc Tày), đồng thời giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước. Trong quá trình phát triển lâu dài, dân tộc Thái đã sáng tạo nên một nền văn học dân gian phong phú. Văn học dân gian của dân tộc Thái phong phú và đa dạng với nhiều thể loại: sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện thơ, ca dao, tục ngữ,... Trong kho tàng văn học dân gian ấy, truyện thơ là thể loại chiếm số lượng lớn và có giá trị độc đáo với các tác phẩm như: *Xống chụ xon xao*, *Khun Lú nàng Ủa*, *Hiên Hom Cầm Đồi*, *Khăm Panh*, *Ú Thêm*... Các truyện thơ đều có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh cảm của dân tộc Thái, là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo lưu, gìn giữ. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về ngôn ngữ truyện thơ Thái – một trong những phương diện quan trọng khi đi sâu tìm hiểu đặc điểm thi pháp truyện thơ. Đó là một việc làm cần thiết để khẳng định giá trị, vị trí của truyện thơ Thái nói riêng và truyện thơ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung trong giai đoạn hiện nay.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Truyện thơ Thái sử dụng thể thơ hỗn hợp

Truyện thơ là thể loại đặc biệt – đặc biệt ở chỗ nó vừa mang tính chất truyện vừa mang tính chất thơ ca. Nó là truyện được kể bằng hình thức thơ ca. Có khi cùng một cốt truyện nhưng được kể bằng những câu thơ thuộc những thể loại khác nhau và khi đó chúng ta có những truyện thơ khác nhau [5, tr. 49]. Do vậy, việc nghiên cứu về thể thơ có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ của thể loại truyện thơ Thái. Tác giả Cẩm Cường trong công trình nghiên cứu *Tìm hiểu văn học dân tộc Thái ở Việt Nam* đã chỉ ra các thể thơ Thái bao gồm đủ các thể từ đơn giản đến phức tạp: thể hai chữ, thể ba chữ, thể bốn chữ, thể năm chữ, thể sáu chữ, thể bảy chữ, thể tám chữ, thể chín chữ hoặc hơn nữa; có thể độc lập và có thể pha trộn [3, tr.136].

Truyện thơ Thái không dùng thể thơ độc lập mà sử dụng thể thơ pha trộn để có thể thỏa sức sáng tạo. Thiên hướng chung của thơ Thái là ít chịu gò bó trong khuôn khổ chật hẹp của luật thơ. Truyện thơ Thái sáng tác theo thể thơ dài ngắn khác nhau (có câu 5 chữ, có câu 7 chữ, có câu 9 chữ hoặc có những câu thơ dài hơn 10 chữ), có cả vần lưng lẫn vần chân, không phân đoạn – nghĩa là chỉ có các dạng trường thiên. Trong truyện thơ, chúng ta có thể bắt gặp hầu hết các thể thơ thông dụng, từ thể *khắp bắc*

câu dài 11, 12 chữ đến thể *khổng khái* câu ngắn 5, 6 chữ. Những thể thơ này được dùng xen nhau một cách điều luyện, tài tình.

Thể thơ 6 chữ và thể thơ 8 chữ được sử dụng xen vào các thể thơ khác. Trong tác phẩm *Xống chụ xon xao* có những câu như sau: *Phák phải dân to phải pún/ Phák hun dân to hun hắc/ Phák ngón bắc dân to bắc xôm*. Thậm chí, để tránh sự đơn điệu của mạch thơ, truyện thơ còn sử dụng những câu thơ dài 10 chữ, 11 chữ hoặc 15, 16 chữ tạo ra những đoạn thơ hay, diễn đạt được nhiều hình ảnh và ý thơ đẹp: *Hóp nưng mừa vạy hắt me là téng nưng lénh/ Hóp nưng mừa ha me ếm péng tánh xiêu ke nưng lấu*.

Thể thơ 7 chữ và thể thơ 9 chữ là thể thơ được sử dụng một cách phổ biến nhất trong truyện thơ Thái. Hai thể thơ này đã đưa thơ Thái đến độ hoàn chỉnh của nghệ thuật thơ ca, nhất là khi nó được sử dụng kết hợp với thể thơ khác mà nó đóng vai trò nòng cốt. Chẳng hạn thể thơ 7 chữ được sử dụng phổ biến trong truyện *Xống chụ xon xao*: *Chải cọ cứt xừ cứt bầu pố/ Lo xừ lo bầu dấy lẹo lỏ/ Pan đấng khừn co mảy má pín hua lỏng/ Xông ha lẳng bầu cún ầu dấy/ Chí lăm lá bó mảy đơn lỉnh mừa phua lỏ quá!*.

Đối với truyện *Khun Lú nàng Ủa*, thể thơ 9 chữ lại là thể thơ nòng cốt: *Hua nàng nương ma ha pi kình kiên cầu/ Hâu pi ời chụ cầu mĩa khu ăn pi hơi/ Lù cọ yêu nàng lai cót păn phua ừm/ Tura nặn Ủa khoak hụ lơi phẩn phiết pheng/ Nàng cọ hui heng ne xú Lù tăng hảy*. Với nòng cốt là thể thơ 7 chữ và 9 chữ, truyện thơ Thái đã sử dụng khéo léo nhiều thể thơ khác để tạo thành một thể thơ mới, đó là thể hỗn hợp. Với thể hỗn hợp, tác giả dân gian có thể mặc sức sáng tạo, có thể truyền tải hết được ý đồ nghệ thuật của mình. Đó cũng chính là thể thơ đặc trưng của truyện thơ Thái.

Vần điệu trong ngôn ngữ truyện thơ của dân tộc Thái có đặc điểm là lấy vần cuối của câu thơ trên làm vần đầu hoặc vần lưng cho câu dưới để bắt sang một thể thơ khác. Cũng có khi không cần vần mà đoạn chuyển, ý chuyển thì thể thơ đồng thời chuyển theo. Truyện thơ Thái nhiều khi sử dụng kết hợp cả hai vần (vần lưng và vần chân) trong một đoạn thơ và việc sử dụng vần lưng trong truyện thơ Thái là phổ biến, gieo vần lưng một cách tự do. Chẳng hạn cách gieo vần một đoạn thơ trong truyện thơ *Hiển Hom Cầm Đồi*: *Píp xấu đếp lải ăm/ Cầm xấu thông lải khăm/ Đồi cọ hăm mạy pan cáy tác/ Bắc mạy pan cáy khăn/ Xiêng năn tòng năng phi hụ xóng*. Việc gieo vần của lời thơ tạo nên sự nhịp nhàng, sự liên kết hài hòa giữa các câu thơ với nhau. Câu thơ trong các truyện thơ tương tự như câu dân ca, dài ngắn không đều, gieo vần lưng tự do ở những vị trí khác nhau trong câu sau. Cách gieo vần mang đậm dấu ấn của dân ca Thái đã mở đường cho sự sáng tạo thể thơ dài hơi thích hợp với lối kể những truyện dài, và

chính điều đó đã tạo nên chất trữ tình cho ngôn ngữ truyện thơ.

2.2. Hiện tượng đan xen ngôn ngữ và việc sử dụng điển cố, điển tích

Hiện tượng đan xen ngôn ngữ của thể loại truyện thơ các dân tộc thiểu số đã được PGS. Lê Trường Phát nghiên cứu trong luận án *Đặc điểm thi pháp truyện thơ các dân tộc thiểu số*. Trong công trình nghiên cứu của mình, bằng việc khảo sát ba tác phẩm: *Hiển Hom Cầm Đồi*, *Khun Lú nàng Ủa*, *Xống chụ xon xao*, với việc đưa ra một số trường hợp tiêu biểu, tác giả khẳng định rằng truyện thơ Thái chỉ sử dụng đan xen tiếng Việt và phần lớn trong số đó được sử dụng với hình thức ngữ âm cổ [5]. Phát triển vấn đề mà PGS. Lê Trường Phát đã đưa ra, chúng tôi tiếp tục đi sâu khảo sát và nghiên cứu hiện tượng đan xen ngôn ngữ trong lời văn nghệ thuật truyện thơ Thái, đặc biệt là hiện tượng đan xen giữa tiếng Việt với tiếng bản tộc.

Đi sâu khảo sát nguyên bản tác phẩm bằng tiếng Thái, so sánh với bản dịch của các dịch giả, chúng tôi nhận thấy hiện tượng đan xen ngôn từ tiếng Việt trong lời văn nghệ thuật truyện thơ Thái là khá phổ biến. Tiêu biểu là các truyện thơ như: *Khun Lú nàng Ủa*, *Hiển Hom Cầm Đồi*, *Tạo An Đức* và *nàng Chiêu Công*, *Lang Chang Nguyên*, *Tạo Hoàng Tiu* và *nàng Công chúa*...

Trong khoảng 25 dòng đầu của truyện thơ *Khun Lú nàng Ủa* đã có tới 22 trường hợp sử dụng từ tiếng Việt, chẳng hạn: *Hịak va chọn kén nầu lịc xự chiêng báu pong chaur nàng ma; Cuông kình thông chu luông khôn nghĩa; Miu cái kéo nghề đau mi kém pha đề*. Hoặc: *Hák va phít phép phạ cuông lệt đôi xơ; Điều nị po chắc xai mưng pay lương gian dết côm đôm châu; Ôn to phun cha liệng uôn nhinh khừn nhaur; Dết cón nằng lương gian au tiếng cón nơ!*...

Trong khoảng 30 dòng đầu của truyện thơ *Tạo An Đức* và *nàng Chiêu Công* sử dụng 20 từ tiếng Việt, chẳng hạn: *Tiêng xiêng noọng nàng Chiêu ban bóc; Mơ nặn ba táy Đức cấp nàng yêu in căn na; Há va mường nặn binh tướng ngán báu má chaur vạy; Vạng nàng vạy quân quan chinh cướp tóe ố!*...

Trong khoảng 30 dòng đầu truyện thơ *Hiển Hom Cầm Đồi* đã có 10 trường hợp sử dụng từ tiếng Việt, chẳng hạn: *Kên tính in muốn mùa xiêng khắp tiêm hu; Báu an đây no lộn tênh cá hun tòng; Xao bán đin dók chụ nả khuông lom chân; Tạo chẳng đặt xấu hâu ón nọi nằng chừ Hiển Hom*...

Qua việc khảo sát, chúng tôi nhận thấy việc sử dụng tiếng Việt trong lời văn nghệ thuật của truyện thơ theo hai phương thức cơ bản: sử dụng nguyên vẹn những từ thông dụng trong tiếng Việt

hiện đại hoặc sử dụng tiếng Việt với hình thức ngữ âm cổ của nó.

- Việc sử dụng nguyên vẹn những từ thông dụng trong tiếng Việt hiện đại như: nàng, ơn (trong công ơn), xuôi (trong xuôi ngược), yêu (trong yêu đương), lo (trong lo lắng), chọn (trong lựa chọn), mặc (trong mặc kệ)... Những từ thông dụng trong tiếng Việt được sử dụng khá phổ biến trong truyện *Khun Lú nàng Úa*, *Tạo Hoàng Tỉu* và *nàng công chúa*, *Làng Chang Nguyên*, *Tạo An Đức* và *nàng Chiêu Công* và ít sử dụng ở các truyện thơ khác. Chẳng hạn như truyện *Khun Lú nàng Úa*: *Ơn to phun cha liệng uôn nhinh khừn nháur; Ba tay tạo tềng nàng yêu tiak; Ling hên to mông ngam nả cư tiên xaur xông. Hoặ: Pháu to đêm ngày tiện hiêng pheng nả tó đu ôn; Lù Khun yêu ớn peng nàng Úa hư bấu; Té nặn Lù kếng kéo nại nại nàng Úa ái em; Đêm ngày xôm xéng đôi bấu nhăng ham nả ti đaur...*

- Việc sử dụng từ tiếng Việt với hình thức ngữ âm cổ của nó (theo cách nói của người Thái). Chẳng hạn những từ có sự thay đổi về thanh điệu so với tiếng Việt hiện đại như: nàng -> nãng, quyền -> quyeen, mừng -> mưong, liền -> liệnn... Những từ có sự thay đổi về âm hoặc vần, hoặc cả âm và vần: tiếng -> xiếng, dương gian -> lương gian, xét thăm -> xét xắmm, luật đời xưa -> lốt đời xơ, đời xưa -> lời xưa, tinh thông -> kinh thông, khôn ngoan -> không nghia, thương cho -> xương to... Thậm chí, có những từ tiếng Việt vừa được biến đổi thanh điệu vừa có sự thay đổi âm và vần: khèn -> kên, đồng -> tông... Tuy biến đổi âm đọc và thanh điệu nhưng những từ Việt này rất dễ nhận ra, giống như sự khác biệt đôi chút giữa tiếng Thái ở các vùng khác nhau. Ngôn ngữ truyện thơ Thái sử dụng khá phổ biến từ tiếng Việt theo hình thức này. Truyện thơ *Khun Lú nàng Úa*: *Dệt cón nãng lương gian au tiếng cón nơ; Xương to Lu Khun tạo chai điều châu ớn; Tàn bãng nghe môm mớ xau lốt đời xơ*. Truyện *Hiến Hom Cầm Đôi*: *Ềm dệt pảnh nãng khấn lầu xá lờng xiêu; Pun pan điều mặc nãng chau hự; Pên ông quyeen dú phanh ti mưong Pha Muối...* Truyện *Xống chụ xon xao*: *Cọ chẳng đày chức chọng Pên nhớ quyeen xen...*

Việc sử dụng từ tiếng Việt trong lời văn nghệ thuật của ngôn ngữ Thái là sự vay mượn cần thiết trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, bởi lẽ trong tiếng Thái có những trường hợp không có từ tương ứng. Tuy nhiên, nếu sử dụng quá nhiều, quá mức cần thiết thì sẽ trở nên lạm dụng và hạn chế cái hay cái đẹp mang bản sắc dân tộc trong lời văn nghệ thuật của truyện thơ Thái. Truyện thơ *Khun Lú nàng Úa* là một trong những trường hợp như vậy. Truyện thơ đã sử dụng quá nhiều từ tiếng Việt, trong một câu thơ có khi dùng tới ba hoặc hai từ tiếng Việt, chẳng hạn như câu thơ: *Hịak va chọn kén nầu lịc xư ching bấu pong chau nàng na; Đêm ngày xôm xéng*

đôi bấu nhăng ham nả ti đaur... Truyện thơ *Tạo An Đức* và *nàng Chiêu Công* cũng là một trong những trường hợp tiêu biểu, chẳng hạn như: *Tiếng xiếng noong nàng Chiêu ban bók; Vạng nàng vạy quân quan chinh cướp tồc ố...* Lý giải vấn đề sử dụng tiếng Việt trong ngôn ngữ truyện thơ Thái, PGS. Lê Trường Phát đã nêu lên nguyên nhân là do tầng lớp nho sĩ, trí thức, tầng lớp quan lại chức dịch trước cách mạng có thể sử dụng được song ngữ, chính tầng lớp này đã có điều kiện tham gia sáng tác và ghi chép truyện thơ. Và do vậy có điều kiện làm biến đổi văn bản truyện thơ [5, tr.1 84].

So với ngôn ngữ truyện thơ Tày, ngôn ngữ truyện thơ Thái hầu hết chỉ có sự đan xen với tiếng Việt mà hoàn toàn không có sự đan xen yếu tố Hán Việt. Đặc điểm đó kéo theo một đặc điểm khác trong ngôn ngữ thơ Thái là ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, ít dùng điển cố, điển tích. Truyện thơ Thái chỉ có một số trường hợp sử dụng điển tích như sau: *Phép cao như phép Mạnh Tông/ Phép nhỏ cây đình núi/ Cây giữa rừng mang trông giữa bản/ Biển em yêu thành vợ quý trong nhà*. Mạnh Tông là nhân vật chính trong truyện thần thoại *Mạnh Tông* hoặc *Chàng Tông* của văn học Trung Quốc. Mạnh Tông cùng với Từ Vi, Từ Tư, Minh Hối là học trò của đạo sĩ Lâm Khan. Mạnh Tông học được nhiều phép giỏi, có thể biến cây thành người, gọi gió, gọi mưa, làm ra sông cạn, nước lụt. Đã có lần Mạnh Tông cười mây lên che mặt trời. Sau này Mạnh Tông cậy mình giỏi, làm hại bản rừng nhiều quá nên Lâm Khan thu phép về.

Nếu như điển tích “phép Mạnh Tông” sử dụng trong truyện thơ *Xống chụ xon xao* được rút ra từ kho tàng văn học Trung Quốc thì điển tích “Sao Khun Lú” được sử dụng trong những câu thơ sau lại rút ra từ chính kho tàng văn học của dân tộc thiểu số Việt Nam: *Sao Khun Lú trên trời còn đợi/ Áng mây kia vương vẫn còn chờ/ Đôi ta xa nhau dằng dặc nỗi niềm thương nhớ*. Điển tích “Sao Khun Lú” chính là tích truyện cổ *Khun Lú nàng Úa* của dân tộc Xá. Chàng Lú và nàng Úa yêu nhau tha thiết, lớn lên nàng Úa bị mẹ cha ép gả cho một tù trưởng có thế lực. Cả hai cùng tự vẫn, kiện lên đến Trời. Nhưng chính Trời lại là kẻ chủ mưu trong câu chuyện oan trái này. Họ biến thành hai ngôi sao đứng một góc trời, mãi mãi trông đợi nhau mà không được gần nhau. Một ngôi sao là Khun Lú, một ngôi sao là nàng Úa. Hai ngôi sao này người Kinh thường gọi là Sao Hôm, Sao Mai nhưng thực ra chỉ là một hành tinh (Vệ Nữ) trông thấy vào lúc đầu đêm, cuối đêm. Điển tích về Khun Lú nàng Úa cũng được sử dụng trong truyện *Xống chụ xon xao* nhưng với ý nghĩa nhấn mạnh sự gắn bó lứa đôi: *Đôi ta yêu nhau tình Lú - Úa mặn nồng/ Lời đã trao thương không lạc mất*. Truyện *Ý Nại nàng Xưa* cũng sử dụng điển tích này: *Hai người cùng quần quýt bên nhau/ Không*

khác gì **Khun Lù - nàng Ủa**/ Hai bên cùng trao lời hò hẹn.

Những điển cổ xuất hiện trong truyện thơ Thái đa số là các loài chim, gà, ve như: gà gô, chim can-co-cán-có, i-liêng, chim tăng-ló (*Xống chụ xon xao*); uyên ương, i-liêng, mảnh ngoạng, thua láng, chim khắc khoải (*Khun Lú nàng Ủa*)... Điển cổ xuất hiện chủ yếu ở truyện *Xống chụ xon xao*, *Khun Lú nàng Ủa*, còn hầu như các truyện thơ khác rất ít dùng điển cổ. Mỗi một điển cổ mang một ý nghĩa nghệ thuật riêng. Chẳng hạn như nói đến *chim khắc khoải* (nộc khảm khá) là muốn nói đến một điều gì đó khắc khoải, da diết (đó là một loài chim đêm, tiếng kêu thưa thớt, khắc khoải), nói đến *i liêng* là nói đến những người tài hoa (i liêng là loài ve rừng có tiếng kêu rất hay), nói đến *uyên ương* là nói đến sự gắn bó bền chặt (uyên ương là một loài chim ở nước, con đực gọi là uyên, con cái gọi là ương, hai con không rời nhau, lúc nào cũng sống thành đôi, khi một con bị chết thì con kia cũng chết theo)... Những điển cổ này đều là những vật sống gần gũi với đời sống của con người nơi đại ngàn xa thẳm, và nó đã trở thành những biểu tượng mang giá trị thẩm mỹ trong văn học dân gian Thái nói chung và thể loại truyện thơ nói riêng.

2.3. Công thức mở đầu – kết thúc và chuyển đoạn

Về công thức mở đầu, nếu như đa số các truyện thơ Mường mở đầu bằng những câu khuyết chủ thể thì đa số truyện thơ Thái lại mở đầu bằng lời của người kể chuyện. Câu chuyện ở đây được hiện lên gián tiếp thông qua lời của người kể chuyện chứ không đi thẳng luôn vào câu chuyện. Công thức mở đầu kiểu này mang lại màu sắc khách quan cho truyện kể, nó khẳng định câu chuyện đã qua, câu chuyện đã được truyền miệng, đã có trong đời sống dân gian và được kể lại. Chẳng hạn truyện *Xống chụ xon xao* được mở đầu như sau: *Nay đã kể từ trước đến sau/ Kể chuyện qua về bù chuyện tới/ Kể từ thời ấy ngày xưa*. Hoặc như truyện *Khun Lú Nàng Ủa*: *Nay một mình ở quạnh/ Viết chữ kể chuyện xưa/ Chuyện đời tổ tiên thuở trước/ Từ buổi Hoàng Thiên kia đặt bày non nước mường trời*.

Truyện thơ *Khăm Panh* mở đầu một cách gián tiếp qua lời của người kể chuyện: *Mời các mẹ địu con ra ngồi sàn ngoài/ Mời các bố cầm dao lên giữa nhà chẻ lạt/ Con cháu xúm quanh như đàn ong mật/ Để nghe câu chuyện mường Khoòng/ Mường Khoòng thuở mọc tên Cổ Lũng*.

Trong lời của người kể chuyện, mặc dù không có cụm từ “ngày xưa ngày xưa” như cách mở đầu trong truyện cổ tích nhưng lại sử dụng các từ khác với ý nghĩa tương tự: xưa, ngày xưa, thuở trước, thời trước... Thực ra, cách mở đầu bằng công thức này cũng chưa vượt xa được cái công thức

“*ngày xưa ngày xưa*” của truyện cổ tích. Do vậy, cách mở đầu ở truyện thơ xét cho cùng cũng là một dạng biến thiên của cách mở đầu ở truyện cổ tích. Lời của người kể chuyện ở đây được mở đầu bằng lời mời gọi thân tình, tạo nên sự gắn kết và giao lưu giữa người nghe và người kể chuyện, sau đó người kể chuyện mới bắt đầu kể nội dung câu chuyện. Với lối mở đầu một cách gián tiếp, ta thấy người kể chuyện muốn khẳng định nguồn gốc dân gian truyền miệng của cốt truyện, mình chỉ làm việc là chép lại và kể lại. Cách mở đầu ấy không những tạo cho người nghe thấy được tính khách quan của câu chuyện mà còn khiến cho người nghe cảm nhận được sự gần gũi, thân tình với người kể chuyện. Cũng mở đầu bằng lời của người kể chuyện nhưng truyện *Hiến Hom Cầm Đồi* lại là lời mời gọi mọi người đến nghe kể chuyện. Đây là đoạn mở đầu đã được PGS. Lê Trường Phát đã khôi phục lại trên cơ sở bản gốc mà bản dịch của Đinh Văn Ân đã bỏ qua [5, tr. 167-168]: *Bây giờ chúng ta sẽ kể chuyện ngày xưa thuở trước/ Thuở trước ấy ở mường Pha Muối – mường chính/ Có khuống chơi, trai thanh gái lịch về đậu.../ Bây giờ kể chuyện bố Hiến Hom hăm hui thuở trước, đấy nhé!/ Sinh thời được gọi tên là Lường Ban*.

Theo PGS. Lê Trường Phát thì kiểu mở đầu này mang nội dung kép: vừa là lời mời gọi, rủ rê vừa là sự tái hiện lại cái không khí của sinh hoạt văn nghệ dân gian truyền thống. Về phương diện nghiên cứu, lối mở đầu này cho thấy truyện thơ dù có được ghi chép lại thành văn bản thì trên thực tế nó vẫn tồn tại, lưu hành theo phương thức truyền miệng trong môi trường sinh hoạt văn hóa dân gian [5, tr. 167-169].

Tuy nhiên, truyện thơ Thái cũng có một số trường hợp mở đầu bằng cách đi thẳng vào câu chuyện để xóa đi dấu ấn của truyện cổ tích. Đó là dạng mở đầu bằng những câu khuyết chủ thể, chẳng hạn như truyện *Ú Thêm*: *Bật nị ná tay tạo lon văn né cáo/ Nó hót đão phén pưn mường nhớ chắm pát/ Pha luông khún cháng đưa ấu páy*. Dịch nghĩa: *Chuyện rằng ở đất Chằm Pa/ Thuở ấy pha nha biết thương dân quý tạo*.

So với cách mở đầu gián tiếp bằng lời của người kể chuyện thì cách mở đầu trực tiếp, đi thẳng luôn vào câu chuyện đã tạo nên một sắc thái mới. Người nghe cảm nhận câu chuyện chuẩn bị được kể trở nên quen thuộc, gần gũi.

Về công thức kết thúc, phổ biến trong cách kết thúc của truyện thơ Thái là cách kết thúc bằng việc kể lại chân thực sự việc xảy ra cuối cùng của câu chuyện, không có phần mang tính giáo huấn đạo đức ở cuối truyện. Truyện thơ *Xống chụ xon xao* kết thúc bằng sự việc anh chị tái ngộ và kết duyên chồng vợ, chồng cũ của chị và vợ cũ của anh đều tìm được hạnh phúc. Đó là cách kết thúc tuân thủ theo mô

hình kết cấu cốt truyện có “kết thúc có hậu”. Truyện thơ *Khăm Panh* kết thúc bằng cảnh hồi sinh của Mường Khoòng sau khi quét sạch bóng quân thù: *Họ Khăm Panh đã về/ Chủ mường Khoòng lại có/ Cả vùng khe lên trướng đầy nguồn/ Trâu ăn cỏ đồi cao không còn sợ hổ, sợ beo/ Người đi vào đi ra không lo đưa làm hại/ Chẳng còn sợ đất xấu mường nghèo*. Ngoài ra, chúng ta còn bắt gặp cách kết thúc ấy trong rất nhiều truyện như: *Khăm Panh, Ú Thêm, Tào Sóng Ca nàng Si Cáy, Kén Kèo, Lang Chang Nguyên, Tào Xam Lương và nàng Anh Đài, Tào Hoàng Tữu và nàng Công chúa...*

Truyện thơ Thái cũng có một số tác phẩm có cách kết thúc tuân thủ theo mô hình kết cấu cốt truyện có “kết thúc bi kịch”. Chẳng hạn như truyện thơ *Hiến Hom Cầm Đồi* kết thúc bằng cái chết của Cầm Đồi: *Cầm Đồi sống vật vờ như cái bong/ Sống thoi thóp tròn năm tất thở/ Hồn lên trời trọn kiếp với nàng Hom*.

Sau khi kể về cái chết lần thứ hai của Hiến Hom, rồi sau đó là cái chết của Cầm Đồi thì câu chuyện kết thúc, không có thêm bất cứ một lời bình luận nào nữa. Người đọc tưởng như cảm thấy bị hụt hẫng, thấy tiếc vì một điều gì đấy nhưng chính cách kết thúc ấy khiến cho hình tượng Cầm Đồi và Hiến Hom cùng với mối tình tha thiết lại vang lên không dứt trong lòng người đọc, người nghe. Với truyện thơ *Khun Lú nàng Úa*, nguyên bản tiếng Thái kết thúc bằng sự ngăn cách mãi mãi của đôi tình nhân Lú – Úa: *Mưa nặn Úa trước Tào Then Chẳng vang hông/ Ling hên to hơn nửa khao phong đeng mây.../ Chung nàng lai hak tai xiệt mỉnh lư háy, Khun có náu dú đảo lưp phạ xen khuốp mĩ an ti đau*. Dịch nghĩa: *Lúc đó Úa rời then Chẳng/ Da dẻ hồng hào trắng nõn.../ Một mối tình chung hoài đời khóe than/ Chẳng lẫn khuất trong mây vạn kiếp không an*.

Cũng kết thúc bi kịch nhưng cách kết thúc ở truyện *Khun Lú nàng Úa* đã mở ra với sự chia ly của đôi lứa yêu nhau, cách kết thúc ấy theo như PGS. Lê Trường Phát đã nhận định là “lối kết thúc mà chưa kết vậy” [5]. Tuy nhiên, trong bản dịch của Mạc Phi lại có thêm đoạn giáo huấn ở phần kết thúc truyện. Đây không phải là đoạn giáo huấn của người kể chuyện mà là đoạn giáo huấn của người dịch truyện: *Nay viết dòng này cho đời sau cháu chắt/ Vạch lên giấy này cho mai hậu đùng quên/ Dẫu có con gái dấy nhà cũng mặc/ Phải ửng bụng trẻ rồi mới xe duyên/ Sao cho thuận lòng ưa mắt/ Rồi hãy lấy thành dâu, con cưỡng bức không nên/ Bằng không chúng sẽ chết buồn như Lú – Úa oan khiếm, ời hời, người ơi, bạn hời! Hẳn khi kết thúc câu chuyện rồi, dịch giả Mạc Phi thấy chưa thỏa lòng với sự chia ly mãi mãi của đôi bạn tình Lú - Úa và thấy thương cho số phận của Lú - Úa khi bị ép duyên, cho nên tác giả muốn giải bày tâm sự của mình thông qua việc rút ra bài học luân lý. Có lẽ, với việc đưa thêm phần giáo*

huấn đạo đức ở cuối truyện, dịch giả Mạc Phi muốn đem đến cho người đọc một thông điệp và lời nhắc nhở đầy giá trị và ý nghĩa.

Qua việc khảo sát cách kết thúc truyện của một số truyện thơ ở trên, chúng tôi nhận thấy đa số cách kết thúc ở truyện thơ Thái là cách kết thúc đơn giản, không bình luận, không phát ngôn quan điểm luân lý. Cách kết thúc ấy hoàn toàn khác với cách kết thúc ở truyện thơ Tày – Nùng. Việc truyện thơ Tày – Nùng kết thúc bằng bài học luân lý là do ảnh hưởng của tầng lớp nho sĩ trong quá trình sáng tạo truyện thơ, một phần nữa do ảnh hưởng khá rõ trong cách kết thúc của thể loại truyện Nôm Kinh. Đối với truyện thơ Thái (truyện thơ Mường cũng vậy), không có sự tham gia của tầng lớp nho sĩ, cũng không chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của truyện Nôm Kinh trong quá trình sáng tạo nên đa số truyện thơ Thái có cách kết thúc mà không rút ra bài học luân lý cũng là điều dễ hiểu [5].

Tuy nhiên, truyện thơ Thái cũng có hai trường hợp kết thúc truyện bằng việc rút ra bài học luân lý giống như cách kết thúc ở truyện Nôm và truyện thơ Tày. Đó là truyện *Cẩu tô cốp: Hời ai ơi những người trần thế/ Sự việc này ghi nhớ đời đời/ Thấy người ta giàu đẹp chớ ghen tuông/ Chớ giết vợ toan cướp chồng người/ Trên trời cao xếp đặt duyên số/ Chớ lừa dối quanh co gian ác/ Nếu người tốt trời ban tốt lành/ Người gian xảo tàn ác trời chẳng buông tha/ Để về sau gặp khổ vô cùng/ Như truyện thơ Cáy – Pét* truyền về khắp thế gian. Và truyện *Ý Nọi nàng Xưa: Kẻ gian ác chẳng sống được đến già/ Người khôn khó, thực hiện rồi phú quý giàu sang sẽ hưởng*. Truyện thơ về đề tài đấu tranh xã hội luôn tuân thủ theo kết cấu cốt truyện có “kết thúc có hậu” của truyện cổ tích (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) nên việc rút ra bài học luân lý ở cuối truyện giống như truyện cổ tích cũng là một điều tất yếu.

Về công thức chuyển đoạn, truyện thơ Thái cũng như truyện thơ các dân tộc thiểu số đã sử dụng công thức chuyển đoạn phù hợp với lối kể chuyện theo trật tự tuyến tính: kể lần lượt từng sự kiện, tuân tự theo thời gian xảy ra từ trước đến sau; nếu là sự việc xảy ra đồng thời với những nhân vật khác nhau, trong những không gian khác nhau thì cũng kể lần lượt từng sự kiện một. Kết cấu cốt truyện theo trật tự tuyến tính đã chi phối cách sử dụng lời chuyển đoạn trong truyện thơ. Đặc biệt, truyện thơ Thái được sáng tác theo thể thơ dài ngắn không đều, không có sự phân đoạn, sự ngắt đoạn thơ trùng hợp với sự chuyển mạch nội dung [5, tr. 86]. Do vậy, việc phân đoạn truyện thơ có ý nghĩa quan trọng để chúng ta có thể xác định nội dung của từng phần trong toàn bộ câu chuyện.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy truyện *Xống chụ xon xao* chia thành 18 đoạn, *Khun Lú Nàng Úa* chia thành 36 đoạn, truyện *Hiến Hom Cầm*

Đôi chia thành 10 đoạn, truyện thơ *Khăm Panh* chia làm 45 đoạn, truyện *Ú Thêm* có 14 đoạn... Lời chuyển đoạn trong truyện thơ Thái có ba hình thức chủ yếu như sau:

- *Lời chuyển đoạn bằng các từ chỉ thời gian*: Các từ chỉ thời gian thường được đặt ở đầu câu chuyển đoạn như: năm tháng qua, sáu tháng rỗng, phút giây trôi nhanh, hôm nay, hôm ấy... Truyện thơ *Xống chụ xon xao* có 2 lần sử dụng hình thức chuyển đoạn bằng các từ chỉ thời gian: *Năm tiếp năm, năm trôi; Phút giây, một lát nhanh*. Truyện thơ *Hiến Hom Cầm Đôi* sử dụng 2 lần lời mở đầu này: *Năm tháng qua, cứ qua; Sáu tháng rỗng*.

Truyện thơ *Khun Lú nàng Ủa* sử dụng phổ biến lời mở đầu theo hình thức này: *Chợt đã xuân đi hè nóng lại; Thắm thoát đã đầy ba tháng; Vụt chốc đã sang năm mới; Chóng chày ngày tháng vụt qua; Chóng chày nhiều tháng hết năm; Thắm thoát qua lắm năm nhiều tết; Thắm thoát trôi nhiều tháng hết năm; Vụt chốc đã sang năm mới...*

- *Lời chuyển đoạn bằng các cụm từ như: lại kể, lại kể tiếp, nay lại kể, nay nói về...*

Một số truyện đã sử dụng phổ biến loại mở đầu mỗi đoạn này. Chẳng hạn như truyện *Khun Lú nàng Ủa* mở đầu các đoạn với lời mở đầu như sau: *Lại nói về Ủa xinh ngọc nữ; Lại kể tiếp sang chàng Lú; Lại kể sang chàng Lú đi đường; Nay nói đến ông tạo Bái Hương cha nài; Lại nói về ông cha Bái Hương; Nay lại nói sang nàng Ủa; Nay lại nói về chàng Lú; Lại nói về chàng tạo trai Khun Lú; Lại kể tiếp nàng Ủa xinh đẹp vào rừng; Nay lại kể sang chàng Lú trai tạo; Lại kể đám đàn bà già gạo; ...* Truyện *Hiến Hom Cầm Đôi* mở đầu các đoạn thơ với các lời mở đầu: *Đây xin kể tiếp; Lại mấy mùa hoa nở hoa tàn; Nay nói về nàng Hom phận gái; Nay kể chuyện Tạo Cầm Đôi...* Truyện thơ *Khăm Panh* có 4 lần sử dụng hình thức mở đầu này: *Lại nói chuyện Khăm Panh lo vò rượu cần; Lại nói chuyện Khun Ha nhờ giặc mừng Hán; Lại nói đến chuyện Khun Ha bắt hết binh mừng; Lại kể đến nàng dâu thứ tư...* Truyện thơ *Ú Thêm* sử dụng 6 lần hình thức mở đầu này: *Bây giờ xin kể chuyện mừng xa mặt nhấc; Lại xin kể chuyện pha nha Trời; Xin kể chuyện; Bây giờ xin kể chuyện nàng Pho No Hoa; Giờ kể chuyện mừng Chăm Pa đất cũ; Lại kể đến Tạo Xi Thuần*.

So với lời mở đầu bằng các từ chỉ thời gian thì lời mở đầu bằng các từ quen thuộc như: lại, lại kể, xin kể, lại nói... được sử dụng phổ biến. Lời mở đầu này mang đậm tư duy đơn giản, chất phát, gần gũi của dân tộc Thái nói riêng và dân tộc thiểu số nói chung.

- *Lời chuyển đoạn bằng việc kể trực tiếp các sự việc xảy ra tiếp theo*. Đây là hình thức lời chuyển đoạn được sử dụng ở tất cả các truyện thơ. Tuy nhiên, cũng có một số truyện thơ ít sử dụng lời chuyển đoạn với hình thức này, chẳng hạn như truyện thơ: *Khun Lú nàng Ủa, Hiến Hom Cầm Đôi*.

Với việc khảo sát công thức mở đầu - kết thúc, chuyển đoạn, chúng ta nhận thấy truyện thơ Thái cũng như truyện thơ các dân tộc thiểu số khác chỉ xuất hiện kiểu kết cấu mở đầu - kết thúc, chuyển đoạn đơn giản. Kiểu kết cấu mở đầu - kết thúc, chuyển đoạn này phù hợp với kết cấu cốt truyện theo trật tự tuyến tính của truyện thơ, sự kiện nào xuất hiện trước kể trước, sự kiện nào xuất hiện sau kể sau. Kiểu kết cấu này cũng phản ánh thể hiện lối tư duy ít nhiều còn đơn giản của người Thái thời xưa. Mặt khác, mô hình lời mở đầu mỗi đoạn như thế một lần nữa khẳng định truyện thơ được diễn xướng theo phương thức kể là chính chứ không phải phương thức xem như văn học viết, dấu truyện thơ đã được ghi lại thành văn bản [5, tr. 179].

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, để tạo nên giá trị độc đáo cho thể loại truyện thơ Thái, yếu tố quan trọng đầu tiên phải kể đến, đó là yếu tố ngôn ngữ. Ngôn ngữ truyện thơ Thái thu hút, chứa đựng những gì tinh túy nhất của nghệ thuật dân gian dân tộc Thái; vừa gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của dân tộc, vừa có giá trị nghệ thuật cao. Điều đó được thể hiện qua phương diện thể thơ, hiện tượng đan xen ngôn ngữ và việc sử dụng công thức mở đầu, kết thúc và chuyển đoạn trong truyện thơ. Về phương diện này, truyện thơ đã hơn hẳn về chất so với truyện cổ dân gian trong việc miêu tả một cách tinh vi, cụ thể và sâu sắc những khía cạnh khác nhau trong đời sống thực tại cũng như đời sống nội tâm của con người. Chính điều đó làm nên giá trị của truyện thơ trong bức tranh chung của văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Văn Ban, Hoàng Anh Nhân (sưu tầm và biên dịch), *Trường ca Ú Thên*, Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa, NXB Khoa học xã hội, 1990.
2. Lò Văn Cây (sưu tầm, biên soạn), Đinh Văn Ân (dịch, tóm tắt cốt truyện), *Hiến Hom Cầm Đồi*, NXB Văn hóa dân tộc, 1993.
3. Cầm Cường, *Tìm hiểu văn học dân tộc Thái ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 1995.
4. Lò Ngọc Duyên (sưu tầm, dịch) (1999), *Ý Nội – nàng Xưa (Em bé nàng Hổ)*, truyện thơ dân gian Thái, NXB Văn hóa dân tộc, 1999.
5. Lê Trường Phát, *Đặc điểm truyện thơ các dân tộc thiểu số*, Luận án PTS Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1997.
6. Mạc Phi (dịch và giới thiệu), *Tiến dặn người yêu (Xống chụ son sao)*, NXB Văn hóa, 1961.
7. Mạc Phi, *Giá trị truyện thơ Xống chụ son sao*, Tập san Nghiên cứu Văn học, 5, 1961.
8. Mạc Phi (dịch, khảo dị, chú thích), *Chàng Lú – nàng Úa (Khun Lú – Nàng Úa)*, truyện thơ Thái, NXB Văn học, 1964.
9. Đỗ Thị Tắc, *Truyện thơ dân tộc Thái*, NXB Văn hóa dân tộc, 2010.
10. Bùi Tiên, Hoàng Anh Nhân, Vương Anh, *Khăm Panh*, NXB Văn hóa dân tộc, 1997.

ON SOME ASPECTS OF POETRY LANGUAGE THAI ETHNICITY IN VIETNAM

Le Thi Hien¹

¹ Hong Duc University

Abstract:

The study of poetry language is one of the important directions when studying the poetical poetic characteristics. Within the scope of this essay, we explore some aspects of the Thai poetry language in Vietnam, namely, the study of poetry, the interlacing phenomena and the recipe, ending and transition. In our opinion, these aspects have created the unique value of Thai poetry in the general picture of poetry of ethnic minorities in Vietnam.

Key word: Language, poetry, Thai ethnicity.